6 Lập dàn ý bài văn thuyết minh

Thời lượng: 1 tiết

 I. Mức độ cần đạt

TT MỤC TIÊU MÃ HOÁ

Năng lực đặc thù: Đọc, Nói, Nghe, Viết

1 Nhớ lại các kiến thức cơ bản đã học về cách lập dàn ý một bài văn thông thường. Đ1

2 Nắm được các bước lập dàn ý bài văn thuyết minh. Đ2

3 Biết trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án, sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp N1

4 Nắm bắt được nội dung và quan điểm của bài thuyết trình, có thể trao đổi phản hồi NG1

5 Biết áp dụng kiến thức để lập dàn ý hoàn chỉnh cho đề văn thuyết minh. V1

Năng lực chung: Tự chủ tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề

6 Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi được giáo viên góp ý. TC-TH

7 Nắm được công việc cần thực hiện để hoàn thành các nhiệm vụ của nhóm. GT- HT

8 Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. GQVĐ

Phẩm chất chủ yếu: Yêu nước; Trách nhiệm

9 Tự hào, yêu quý hơn nữa tiếng Việt, quê hương, đất nước.

 YN

10 Sống có lí tưởng, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, quê hương, đất nước.

 TN

II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy AO, A4,…

2.Học liệu:

\*Giáo viên:

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

\*Học sinh:

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH

Hoạt động học

Mục tiêu Nội dung dạy học trọng tâm

PP, KTDH Phương án kiểm tra đánh giá

 Hoạt động Mở đầu

 (7 phút) Đ1 Huy động vốn kiến thức về văn nghị luận đã học; chuẩn bị tâm thế tiếp nhận kiến thức mới Đàm thoại gợi mở

 GV đánh giá trực tiếp phần phát biểu của HS.

Hoạt động Hình thành kiến thức

(20 phút) Đ1, Đ2, N1, NG1; GT-HT I. Tìm hiểu dàn ý của bài văn thuyết minh’

II. Lập dàn ý bài văn thuyết minh Đàm thoại gợi mở

Kĩ thuật sơ đồ tư duy

Kĩ thuật làm việc nhóm GV đánh giá phiếu học tập, sản phẩm học tập của HS.

Hoạt động

Luyện tập

( 10 phút) Đ2, N1, NG1, ; TCTH Thực hành bài tập đọc hiểu Hoạt động nhóm, Dạy học giải quyết vấn đề GV đánh giá phiếu học tập của HS dựa trên Đáp án

Hoạt động Vận dụng

(5 phút) V1 Lập dàn ý: Giới thiệu một phong trào của trường (lớp).

 Dạy học giải quyết vấn đề GV đánh giá qua bài làm về nhà của HS.

Hoạt động

Mở rộng

(3 phút) V1, YN, TCTH Mở rộng, tự trau dồi cách viết lập dàn ý cho các đề văn sưu tầm được. Dạy học giải quyết vấn đề Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.

GV và HS đánh giá

A. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG:

 HĐ 1. KHỞI ĐỘNG

a.Mục tiêu: Kết nối - Đ1

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi để củng cố lại kiến thức đã học, kết nối với kiến thức sẽ học trong giờ này.

c.Sản phẩm:

+Mở bài: Ở bài văn tự sự, phần mở bài là thuật lại mở đầu câu chuyện hoặc giới thiệu, dẫn dắt vào câu chuyện.

+Kết bài: Ở bài văn tự sự, kết bài thường là sự kết thúc của câu chuyện, nhận định về ý nghĩa của câu chuyện.

d.Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV Hoạt động của HS

- GV giao nhiệm vụ: Em hãy nhắc lại dàn ý phần mở bài và kết bài của bài văn tự sự đã học ở HKI?

 - Đánh giá sản phẩm. - HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.

- Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.

HĐ 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a.Mục tiêu: Đ1, Đ2, N1, NG1; GT-HT

b.Nội dung: \*HS tìm hiểu mục I-SGK trang 169 và trả lời lần lượt 4 câu hỏi

c.Sản phẩm:

1. Các yêu cầu về lập dàn ý cho một bài văn thuyết minh :

- Có kiến thức, kĩ năng xây dựng dàn ý ;

- Có các tri thức đầy đủ, chuẩn xác về đối tượng ;

 - Tìm được cách sắp xếp các tri thức theo một hệ thống hợp lí, chặt chẽ.

2. Lập dàn ý là một kĩ năng rất quan trọng khi tạo lập văn bản. Dàn ý của bài văn thường theo bố cục ba phần (Mở bài, Thân bài và Kết bài). Dàn ý của bài văn thuyết minh cũng vậy.

3. Phần mở bài và kết bài của bài văn thuyết minh có những điểm cần phân biệt với phần mở bài và kết bài của bài văn tự sự :

a/ Mở bài : Ở bài văn thuyết minh, phần mở bài giới thiệu chung về đối tượng thuyết minh, để người đọc biết được nội dung sẽ được nắm bắt trong phần thân bài (phần mở bài phải nêu ra được đề tài thuyết minh).

b/ Kết bài : Ở bài văn thuyết minh, nhấn mạnh về đối tượng đã thuyết minh, tạo ấn tượng cho người đọc về đối tượng vừa thuyết minh.

4. Trong phần thân bài, các ý của bài văn thuyết minh có thể được sắp xếp theo các trình tự : thời gian, không gian, lôgic, trình tự nhận thức,… hoặc là hỗn hợp của các quan hệ miễn sao phù hợp với đối tượng thuyết minh, đạt được mục đích thuyết minh.

d.Tổ chức thực hiện.

HĐ CỦA GV HĐ CỦA HS

- Giao nhiệm vụ: tìm hiểu mục I-SGK trang 169 và trả lời lần lượt 4 câu hỏi

- Đánh giá sản phẩm.

- Chuẩn kiến thức. - Thực hiện nhiệm vụ.

- Báo cáo nhiệm vụ.

(NL giải quyết vấn đề)

 HĐ 2: Rèn kĩ năng cho HS.

a.Mục tiêu: Đ2, N1, NG1; GT-HT

b.Nội dung: Thông qua HĐ nhóm để giải quyết vấn đề giáo viên đưa ra: Khi lập dàn ý cho bài văn thuyết minh, cần chú ý các bước như thế nào

c.Sản phẩm:

1. Khi lập dàn ý cho bài văn thuyết minh, cần chú ý các bước như sau :

\* Xác định đề tài :

\* Xây dựng dàn ý :

- Mở bài :

- Thân bài :

+ Tìm ý, chọn ý :

+ Sắp xếp ý :

- Kết bài : Nhấn lại đề tài thuyết minh và tô đậm ấn tượng cho người tiếp nhận về đối tượng vừa thuyết minh.

2. Xây dựng dàn ý cho bài văn thuyết minh giới thiệu một tác giả văn học :

(1) Mở bài : Giới thiệu khái quát về tác giả lựa chọn để thuyết minh (họ tên, tuổi, quê quán,…).

(2) Thân bài :

- Cuộc đời và sự nghiệp văn học :

+ Hoàn cảnh xuất thân, truyền thống gia đình, học vấn, đường đời,…

+ Các chặng đường sáng tác và những tác phẩm chính.

- Phong cách nghệ thuật :

+ Những đặc điểm nổi bật về nội dung trong sáng tác của tác giả ấy.

+ Những đặc sắc nghệ thuật mà tác giả ấy thể hiện trong tác phẩm của mình.

(3) Kết bài :

- Khẳng định về vị trí của tác giả vừa thuyết minh.

- Nêu suy nghĩ, cảm nhận về cuộc đời, sự nghiệp văn chương của tác giả vừa thuyết minh,…

3. Xây dựng dàn ý cho bài văn thuyết minh giới thiệu một tấm gương học tốt.

(1) Mở bài : Giới thiệu chung về gương học tốt (là ai ? ở đâu ?... ).

(2) Thân bài :

- Hoàn cảnh gia đình, môi trường học tập,…

- Quá trình phấn đấu trong học tập.

- Những kết quả học tập tốt.

…

(3) Kết bài :

- Khẳng định về tấm gương học tập.

- Suy nghĩ về bài học rút ra cho bản thân và cho mọi người.

4. Xây dựng dàn ý cho bài văn thuyết minh giới thiệu một phong trào của trường (hoặc của lớp).

(1) Mở bài : Giới thiệu chung về phong trào (Là phong trào gì, trong lĩnh vực hoạt động nào, diễn ra ở đâu ?).

(2) Thân bài :

- Phong trào đã được phát động, hưởng ứng ra sao ?

- Diễn biến của phong trào.

- Những kết quả cho thấy sự thành công, hiệu quả của phong trào.

…

(3) Kết bài : Ý nghĩa của phong trào.

5. Xây dựng dàn ý cho bài văn thuyết minh về một quy trình sản xuất (hoặc các bước của một quá trình học tập).

(1) Mở bài : Giới thiệu chung về quy trình sản xuất (hoặc các bước của một quá trình học tập).

(2) Thân bài :

- Mô tả quy trình sản xuất (hoặc các bước của một quá trình học tập) : bắt đầu như thế nào, diễn biến qua các công đoạn (các bước, các giai đoạn, các quá trình,…) ra sao ?

- Sản phẩm của quy trình sản xuất(hoặc kết quả của một quá trình học tập) là gì, chất lượng, giá trị ra sao ?

…

(3) Kết bài : Nhận xét về quy trình sản xuất (hay các bước của một quá trình học.

 tập).

d.Tổ chức thực hiện:

HĐ CỦA GV HĐ CỦA HS

- Giao nhiệm vụ:

+Khi lập dàn ý cho bài văn thuyết minh, cần chú ý các bước như thế nào?

+Tổ chức hoạt động nhóm:

Yêu cầu: -Mỗi nhóm 1 đề tài.

-Lập danh mục tài liệu.

-Lựa chọn các kiểu kết cấu phù hợp.

-Trình bày dàn ý chi tiết.

Nhóm 1: Xây dựng dàn ý cho bài văn thuyết minh giới thiệu một tác giả văn học :

Nhóm 2: Xây dựng dàn ý cho bài văn thuyết minh giới thiệu một tấm gương học tốt

Nhóm 3: Xây dựng dàn ý cho bài văn thuyết minh giới thiệu một phong trào của trường (hoặc của lớp).

Nhóm 4: Xây dựng dàn ý cho bài văn thuyết minh về một quy trình sản xuất (hoặc các bước của một quá trình học tập).

\*GV hướng dẫn học sinh lập dàn ý :

- Đánh giá sản phẩm.

- Chuẩn kiến thức. - Thực hiện nhiệm vụ.

- Báo cáo nhiệm vụ.

(NL giải quyết vấn đề)

(Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận. Năng lực sử dụng ngôn ngữ)

HĐ 3.LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: Đ1, Đ2, N1, NG1; GT-HT HS

b. Nội dung hoạt động: HS đọc 1 văn bản GV trình chiếu và tiến hành trả lời 3 câu hỏi:

Đình Hồng Thái thuộc địa phận làng Kim Trận (nay là thôn Cả), xã Tân Trào, huyện Sơn Dương. Đình cất dựng năm 1919, có kiến trúc thuần gỗ, mái lợp lá cọ, đình gồm 3 gian 2 chái, dáng dấp nhà sàn miền núi. Đình Hồng Thái cũng như ngôi đình của Việt Nam với chức năng tín ngưỡng thờ Thành Hoàng làng, thần Sông, thần Núi và các vị thần xung quanh vùng. Ngoài ra, một vị nhân thần là Ngọc Dung Công Chúa. Hơn nữa, đình còn là nơi sinh hoạt văn hoá, hội họp của làng. Hàng năm dân làng tổ chức nhiều lễ cúng bái tại đình, các ngày lễ dựa vào mùa vụ trong năm. Ngày lễ lớn nhất là ngày mùng 3 tháng Giêng âm lịch, trong ngày lễ này, đồng bào tổ chức nghi lễ rước Công chúa Ngọc Dung; phần hội có nhiều trò chơi hấp dẫn như hát then, hát cọi, các trò chơi dân gian… Ngoài giá trị về mặt văn hoá tín ngưỡng thì ngôi đình còn có giá trị về mặt lịch sử. Bởi đây là nơi dừng chân đầu tiên của vị lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc khi người từ Pắc Bó, Cao Bằng đến với căn cứ địa Cách mạng Tân Trào ngày 21/5/1945.

 ( Theo http://tuyenquang.gov.vn)

 1/ Văn bản trên có một câu văn không chính xác. Hãy chỉ ra câu văn mắc lỗi và cho biết nó thuộc lỗi nào ? Nêu cách sửa câu văn mắc lỗi mà anh(chị) vừa tìm được.

 2/ Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên ?

 3/ Anh(chị) hiểu như thế nào về văn hoá tín ngưỡng ?

c.Sản phẩm:

1. Văn bản trên có một câu văn không chính xác. Đó là câu Ngoài ra, một vị nhân thần là Ngọc Dung Công Chúa. Đây là câu văn thiếu chủ ngữ. Cách sửa: bổ sung chủ ngữ. Câu văn sau khi sửa là : Ngoài ra, đình còn thờ một vị nhân thần là Ngọc Dung Công Chúa.

2. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là thuyết minh

3. Văn hóa tín ngưỡng là hệ thống giá trị về những phương cách ứng xử của con người đối với thế giới siêu nhiên hay xã hội có liên quan đến đời sống của mình.

Hoạt động của GV HĐ của HS

-GV giao nhiệm vụ: Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi (VB ở phần nội dung)

 1/ Văn bản trên có một câu văn không chính xác. Hãy chỉ ra câu văn mắc lỗi và cho biết nó thuộc lỗi nào ? Nêu cách sửa câu văn mắc lỗi mà anh(chị) vừa tìm được.

 2/ Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên ?

 3/ Anh(chị) hiểu như thế nào về văn hoá tín ngưỡng ?

- Nhận xét, cho điểm.

 - HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

(Năng lực giải quyết vấn đề)

HĐ 4.VẬN DỤNG

 a.Mục tiêu: V1; GT-HT

b. Nội dung: HS thông qua việc lập dàn ý giới thiệu về trường lớp của mình. để nắm vững các bước làm văn thuyết minh.

c.Sản phẩm:

 a. Mở bài

- Giới thiệu chung về lớp/trường.

- Giới thiệu chung phong trào nổi bật của lớp / trường

b. Thân bài

- Nguyên nhân dẫn đến phong trào

- Diễn biến của phong trào

+ Bắt đầu

+ Phát triển

+ Kết quả

- Ý nghĩa của phong trào

- Những bài học rút ra từ phong trào

c. Kết bài

- Khẳng định lại sự tác động của phong trào.

Hoạt động của GV HĐ của HS

- GV giao nhiệm vụ: Lập dàn ý

Giới thiệu một phong trào của trường (lớp).

- Nhận xét sản phẩm.

 - HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

(Năng lực giải quyết vấn đề)

HĐ 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG

a. Mục tiêu: V1, TC-TH

 b. Nội dung: HS lập sơ đồ tư duy bài học.

c. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy của HS đã hoàn thiện.

 d. Tổ chức thực hiện.

Hoạt động của GV – HS HĐ của HS

GV giao nhiệm vụ:

+ Vẽ bản đồ tư duy bài học

+ Lập dàn ý thuyết minh về một môn thể thao mà em thích nhất

- Đánh giá sản phẩm. -HS thực hiện nhiệm vụ tại nhà

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết học sau.

(Năng lực tự học)

+ Vẽ đúng bản đồ tư duy

+ Thực hành lập dàn ý văn thuyết minh.

 IV. Tài liệu tham khảo

 - Bố cục của văn bản.

 - Thiết kế bài giảng Ngữ văn 10,...

 - Một số tài liệu trên mạng internet.

 V. Rút kinh nghiệm giờ dạy

7 Tính chuẩn xác, hấp dẫn của văn bản thuyết minh

 Thời lượng: 1 tiết

I. Mức độ cần đạt

TT MỤC TIÊU MÃ HOÁ

Năng lực đặc thù: Đọc, Nói, Nghe, Viết

1 Nhận diện về các biểu hiện của tính chuẩn xác, hấp dẫn của văn bản thuyết minh qua các ví dụ cụ thể.

 Đ1

2 Một số biện pháp đảm bảo sự chuẩn xác và hấp dẫn của văn bản thuyết minh. Đ2

3 Biết trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án, sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp N1

4 Nắm bắt được nội dung và quan điểm của bài thuyết trình, có thể trao đổi phản hồi NG1

5 Biết viết văn bản thuyết minh có tính chuẩn xác, hấp dẫn.

 V1

Năng lực chung: Tự chủ tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề

6 Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi được giáo viên góp ý. TC-TH

7 Nắm được công việc cần thực hiện để hoàn thành các nhiệm vụ của nhóm. GT- HT

8 Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. GQVĐ

Phẩm chất chủ yếu: Yêu nước; Trách nhiệm

9 Tự hào, yêu quý hơn nữa tiếng Việt, quê hương, đất nước.

 YN

10 Sống có lí tưởng, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, quê hương, đất nước.

 TN

II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy AO, A4,…

2. Học liệu:

\*Giáo viên:

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

\*Học sinh:

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH

Hoạt động học

Mục tiêu Nội dung dạy học trọng tâm

PP, KTDH Phương án kiểm tra đánh giá

 Hoạt động Mở đầu

 (7 phút) Đ1 Huy động vốn hiểu biết; chuẩn bị tâm thế tiếp nhận kiến thức mới Đàm thoại gợi mở

 GV đánh giá trực tiếp phần phát biểu của HS.

Hoạt động Hình thành kiến thức

(20 phút) Đ1, Đ2, N1, NG1; GT-HT I. Tìm hiểu tính chuẩn xác của văn bản thuyết minh

II. Tìm hiểu tính hấp dẫn của văn bản thuyết minh Đàm thoại gợi mở

Kĩ thuật sơ đồ tư duy

Kĩ thuật làm việc nhóm GV đánh giá phiếu học tập, sản phẩm học tập của HS.

Hoạt động

Luyện tập

( 10 phút) Đ2, N1, NG1 ; TCTH Thực hành bài tập phần Luyện tập SGK. Hoạt động nhóm, Dạy học giải quyết vấn đề GV đánh giá phiếu học tập của HS dựa trên Đáp án

Hoạt động Vận dụng

(5 phút) V1, TCTH Viết một đoạn văn thuyết minh về danh lam thắng cảnh quê hương.

Chỉ ra những câu văn tiêu biểu thể hiện tính chính xác và tính hấp dẫn..

 Dạy học giải quyết vấn đề GV đánh giá qua bài làm về nhà của HS.

Hoạt động

Mở rộng

(3 phút) V1, TCTH Sưu tầm những đoạn văn thuyết minh tiêu biểu liên quan đến đời sống xã hội, liên quan tác phẩm văn học trung đại đã học.

Đánh giá tỉnh chuẩn xác, hấp dẫn của các đoạn văn đó.

 Dạy học giải quyết vấn đề Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.

GV và HS đánh giá

B.CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

HĐ 1. KHỞI HĐ 1. KHỞI ĐỘNG

a.Mục tiêu: Kết nối - Đ1

b.Nội dung: Bằng phương tiện máy chiếu, HS quan sát một vài bức tranh về Huế, đồng thời trình chiếu đoạn văn sau:

Huế có những công trình kiến trúc nổi tiếng được Liên hợp quốc xếp vào hàng di sản văn hoá thế giới. Huế nổi tiếng với các lăng tẩm của các vua Nguyễn, với chùa Thiên Mụ, chùa Trúc Lâm, với đài Vọng Cảnh, điện Hòn Chén, chợ Đông Ba…

Huế được yêu vì những sản phẩm đặc biệt của mình. Huế là thành phố của những mảnh vườn xinh đẹp. Những vườn hoa, cây cảnh, những vườn chè, vườn cây ăn quả của Huế xanh mướt như những viên ngọc. Những chiếc nón Huế càng làm cho những cô gái Huế đẹp hơn, duyên dáng hơn.

Huế còn nổi tiếng với những món ăn mà chỉ riêng Huế mới có.

Huế còn là thành phố đấu tranh kiên cường. Tháng Tám năm 1945, Huế đã đứng lên cùng cả nước, chế độ phong kiến ngàn năm sụp đổ dưới chân thành Huế.

Huế đẹp và thơ đã đi vào lịch sử của những thành phố anh hùng.

(Theo SGK Ngữ văn 8, tập một, NXB Giáo dục Hà Nội, 2004)

 Sau đó, GV yêu cầu HS nhận xét văn bản trên thuộc văn bản viết theo phương thức biểu đạt nào? Các địa danh nói về lăng tẩm ở Huế có đúng trong thực tế không? Người viết có sử dụng biện pháp tu từ trong văn bản không? Cho ví dụ.

a. Sản phẩm:Phương thức biểu đạt thuyết minh.

 d.Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV Hoạt động của HS

-GV giao nhiệm vụ: Cho HS xem một vài bức tranh về Huế, đồng thời trình chiếu đoạn văn (ngữ liệu ở phần Nội dung hoạt động).

 Sau đó, GV yêu cầu HS nhận xét văn bản trên thuộc văn bản viết theo phương thức biểu đạt nào? Các địa danh nói về lăng tẩm ở Huế có đúng trong thực tế không? Người viết có sử dụng biện pháp tu từ trong văn bản không? Cho ví dụ.

 - Đánh giá sản phẩm.

Từ đó, giáo viên giới thiệu vào bài - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.

- Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.

- HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

HĐ HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.

HĐ 1: Tìm hiểu về tính chuẩn xác của văn bản thuyết minh.

a.Mục tiêu: Đ1, Đ2, N1, NG1; GT-HT

b.Nội dung: HS sử dụng sách giáo khoa, giấy A4, máy tính, máy chiếu và kĩ thuật: đọc ghi nhớ, tư duy, trình bày một phút, HĐ nhóm, bàn tay nặn bột để thực hiện nhiệm vụ học tập: nêu được khái niệm, biện pháp tạo văn bản thuyết minh chuẩn xác.

c. Sản phẩm:

1. Khái niệm :

Văn bản thuyết minh nhằm cung cấp những tri thức về sự vật khách quan. Vì vậy bài viết (bài nói) cần chuẩn xác. Chuẩn xác là yêu cầu đầu tiên và cũng là yêu cầu quan trọng nhất đối với văn bản thuyết minh

 2. Để văn bản thuyết minh có tính chính xác,cần lưu ý

- Cần tìm hiểu thấu đáo vấn đề trước khi viết

- Cần thu thập đầy đủ tài liệu tham khảo, các ý kiến của chuyên gia và cơ quan có thẩm quyền về vấn đề thuyết minh, các số liệu, cứ liệu cần cập nhật,...

 - Luôn chú ý thời điểm xuất bản các tài liệu để cập nhật thông tin mới

d. Tổ chức thực hiện:

HĐ CỦA GV HĐ CỦA HS

- Giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS tìm hiểu mục I.1 SGK và trả lời câu hỏi:

-Để đảm bảo tính chuẩn xác trong văn bản thuyết minh, chúng ta cần lưu ý những điểm gì?

- Đánh giá sản phẩm.

- Chuẩn kiến thức. - Thực hiện nhiệm vụ.

- Báo cáo nhiệm vụ.

(Năng lực thu thập thông tin)

HĐ LUYỆN TẬP.

a. Mục tiêu: Đ2, N1, NG1; GT-HT

b. Nội dung : GV hướng dẫn HS sử dụng:

- Phương tiện: Sgk, vở ghi

- Phương pháp, kĩ thuật: thực hiện hoạt động nhóm để luyện tập phần a, b,c trang 24, 25 ( mục I.2 )

c. Sản phẩm:

\*Câu a: Chưa chuẩn xác vì nếu so sánh mục lục ta sẽ thấy

 + Chương trình ngữ văn 10 không phải chỉ có VHDG

 + Chương trình Ngữ văn 10 về VHDG không chỉ có ca dao ,tục ngữ

 + Chương trình Ngữ Văn 10 không có câu đố

\* Câu b : Chưa chuẩn xác vì “ Thiên cổ hùng văn “ là áng văn của nghìn đời chứ không phải là hùng văn viết cách đây nghìn năm

\* Câu c: VB trên không sử dụng thuyết minh về nhà thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm vì nội dung của nó không nói đến NBK với tư cách một nhà thơ.

d.Tổ chức thực hiện:

HĐ CỦA GV HĐ CỦA HS

- Giao nhiệm vụ: Hãy luyện tập phần a, b,c trang 24, 25 ( mục I.2 )

GV chia nhóm làm bài luyện tập. GV chia lớp thành 3 nhóm và phát phiếu học tập.

Nhóm 1: câu a

Nhóm 2: câu b

Nhóm 3: câu c

- Đánh giá sản phẩm.

- Chuẩn kiến thức. - Thực hiện nhiệm vụ.

- Báo cáo nhiệm vụ.

(Năng lực thu thập thông tin)

Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra. Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận)

HĐ 3: Tìm hiểu về tính hấp dẫn trong văn bản thuyết minh

a.Mục tiêu: Đ1, Đ2, N1, NG1; GT-HT

b.Nội dung: HS sử dụng sách giáo khoa, giấy A4, máy tính, máy chiếu và kĩ thuật: đọc ghi nhớ, tư duy, trình bày một phút, HĐ nhóm, bàn tay nặn bột để thực hiện nhiệm vụ học tập: nêu được khái niệm, biện pháp tạo văn bản thuyết minh hấp dẫn.

c. Sản phẩm:

1.Khái niệm:văn bản thuyết minh cần phải hấp dẫn để thu hút sự chú ý theo dõi của người đọc, người nghe

2.Biện pháp làm cho Vb thuyết minh hấp dẫn :

 - Đưa ra những chi tiết cụ thể, sinh động ;

 - So sánh để làm nổi bật sự khác biệt, khắc sâu trí nhớ người đọc

 - Câu văn biến hoá, tránh đơn điệu, phối hợp nhiều loại kiến thức để soi rọi đối tượng từ nhiều mặt.

d. Tổ chức thực hiện:

HĐ CỦA GV HĐ CỦA HS

- Giao nhiệm vụ:

- Theo em, thế nào là tính hấp dẫn của Vb thuyết minh?

- Các biện pháp làm cho VB thuyết minh có tính hấp dẫn?

- Đánh giá sản phẩm.

- Chuẩn kiến thức. - Thực hiện nhiệm vụ.

- Báo cáo nhiệm vụ.

(Năng lực thu thập thông tin)

Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra.

 Hoạt động luyện tập:

a.Mục tiêu: Đ2, N1, NG1 ; TCTH

b. Nội dung : GV hướng dẫn HS sử dụng:

- Phương tiện: Sgk, vở ghi

- Phương pháp, kĩ thuật: Kĩ thuật động não, trình bày 1 phút tìm ra tính chuẩn xác, hấp dẫn trong đoạn văn của Vũ Bằng.

c. Sản phẩm:

- Sự linh hoạt trong việc sử dụng các kiểu câu: ngắn, dài, nghi vấn, cảm thán.

- Từ ngữ: giàu tính hình tượng (kết hợp biện pháp so sánh):

+ Mùi phở có sức huyền bí quyến rũ- mây khói chùa Hương.

+ Bó hành xanh- lá mạ.

+ Làn khói từ nồi nước dùng- một làn sương mỏng, mơ hồ như một bức tranh tàu.

- Sự kết hợp các giác quan và liên tưởng:

+ Các giác quan: thị giác, khứu giác và vị giác.

+ Liên tưởng: qua các so sánh.

+ Biểu cảm trực tiếp: trông mà thèm quá, có ai lại đừng vào ăn cho được.

b. Tổ chức thực hiện:

HĐ CỦA GV HĐ CỦA HS

- Giao nhiệm vụ: Đọc SGK, đoạn văn Vũ Bằng sinh động, hấp dẫn vì sao?

- Đánh giá sản phẩm.

- Chuẩn kiến thức. - Thực hiện nhiệm vụ.

- Báo cáo nhiệm vụ.

NL giải quyết vấn đề

HĐ 4.VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: N1,V1, TCTH

b. Nội dung: HS viết một đoạn văn thuyết minh về danh lam thắng cảnh quê hương, chỉ ra những câu văn tiêu biểu thể hiện tính chính xác và tính hấp dẫn..

c.Sản phẩm. Là đoạn văn của HS. HS tích hợp kiến thức lịch sử, địa lí, GDCD, vận dụng kiến thức đã học để hoàn chính đoạn văn thuyết minh theo yêu cầu.

d.Tổ chức thực hiện.

Hoạt động của GV HĐ của HS

-GV giao nhiệm vụ:

Viết một đoạn văn (200 chữ) thuyết minh về một thắng cảnh của quê hương em. Chỉ ra những câu văn tiêu biểu thể hiện tính chính xác và tính hấp dẫn.

- Đánh giá sản phẩm. - HS thực hiện nhiệm vụ.

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

(Năng lực giải quyết vấn đề)

HĐ 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG

a.Mục tiêu: V1, TC-TH

 b.Nội dung: HS lập sơ đồ tư duy bài học.

c.Sản phẩm: Sơ đồ tư duy của HS đã hoàn thiện.

 d. Tổ chức thực hiện.

Hoạt động của GV HĐ CỦA HS

GV giao nhiệm vụ:

+ Sưu tầm những đoạn văn thuyết minh tiêu biểu liên quan đến đời sống xã hội, liên quan tác phẩm văn học trung đại đã học.

+ Đánh giá tính chuẩn xác. Hấp dẫn của các đoạn văn.

- Đánh giá sản phẩm. HS thực hiện nhiệm vụ tại nhà:

+ Sưu tầm trên mạng, sách ở thư viện;

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết học sau.

(NL tự học)

IV. Tài liệu tham khảo

 - Bố cục của văn bản.

 - Thiết kế bài giảng Ngữ văn 10,...

 - Một số tài liệu trên mạng internet.

 V. Rút kinh nghiệm giờ dạy

8 Chuyện chức phán sự đền Tản Viên

(Tản Viên từ phán sự lục – trích Truyền kỳ mạn lục )

 I. Mức độ cần đạt

TT MỤC TIÊU MÃ HOÁ

Năng lực đặc thù: Đọc, Nói, Nghe, Viết

1 Nêu được ấn tượng chung về tác phẩm; tóm tắt được tác phẩm; nhận biết đề tài, chi tiết sự việc tiêu biểu, nhân vật... Đ1

2 Phân tích được các chi tiết sự việc, các nhân vật; đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác phẩm muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật Đ2

3 Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện truyền kì: yếu tố hoang đường, diễn biến cốt truyện; ngôn ngữ trần thuật… Đ3

4 Phân tích, đánh giá được tình cảm, cảm hứng chủ đạo của người viết; phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ tác phẩm Đ4

5 Trình bày được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm Đ5

6 Đọc mở rộng các tác phẩm khác trong Truyền kì mạn lục của Nguyễn Dữ và các tài liệu liên quan. Đ6

7 Biết trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án, sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp N1

8 Nắm bắt được nội dung và quan điểm của bài thuyết trình, có thể trao đổi phản hồi NG1

9 Tạo lập được đoạn văn về vấn đề xã hội rút ra từ tác phẩm hay nghị luận văn học về tác phẩm. V1

 Năng lực chung: Tự chủ tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề

10 Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi được giáo viên góp ý. TC-TH

11 Nắm được công việc cần thực hiện để hoàn thành các nhiệm vụ của nhóm. GT- HT

12 Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. GQVĐ

 Phẩm chất chủ yếu: Yêu nước; Trách nhiệm

13 Củng cố lòng yêu chính nghĩa và niềm tự hào về người trí thức nước Việt.

 YN

14 Sống có lí tưởng, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, quê hương, đất nước; biết đấu tranh chống lại các thế lực xấu trong xã hội.

 TN

II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1.Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy AO, A4,…

2.Học liệu:

\*Giáo viên:

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

\*Học sinh:

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH

Hoạt động học

Mục tiêu Nội dung dạy học trọng tâm

PP, KTDH Phương án kiểm tra đánh giá

 Hoạt động Mở đầu (10 phút) Kết nối - Đ1 Huy động vốn kiến thứcđã học về tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương; chuẩn bị tâm thế tiếp nhận kiến thức mới Trò chơi, Đàm thoại gợi mở

 GV đánh giá trực tiếp phần phát biểu của HS.

Hoạt động Hình thành kiến thức

(50 phút) Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5; N1, NG1; GT-HT I. Tìm hiểu chung

II. Đọc hiểu văn bản

1.Tìm hiểu nhân vật Ngô Tử Văn: hành động đốt đền; cuộc xử kiện dưới Minh Ty; kết quả cuộc xử kiện

2. Ngụ ý của tác phẩm

III. Tổng kết Đàm thoại gợi mở

Kĩ thuật sơ đồ tư duy

Kĩ thuật làm việc nhóm GV đánh giá phiếu học tập, sản phẩm học tập của HS.

Hoạt động

Luyện tập

(15 phút) Đ3, Đ4, Đ5; TCTH Thực hành bài tập luyện tập kiến thức và kĩ năng: Bài tập Đọc hiểu Dạy học giải quyết vấn đề GV đánh giá phiếu học tập của HS dựa trên Đáp án và HDC

Hoạt động Vận dụng

(10 phút) V1, YN, TN Liên hệ với thực tế đời sống: Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ cùa anh/chị vế cuộc chiến đấu chống lại cái xấu, cái ác của con người.

 Dạy học giải quyết vấn đề GV đánh giá trực tiếp phần phát biểu của HS.

Hoạt động

Mở rộng

(5 phút) Đ 6, Đ 5 , V1, TC- TH + Vẽ bản đồ tư duy bài học.

+ Tìm đọc thêm một số truyện của Nguyễn Dữ.

 Phương pháp dự án; Dạy học hợp tác Thuyết trình; Kĩ thuật Phòng tranh,; sân khấu hóa tác phẩm; Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.

GV và HS đánh giá

1. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HĐ KHỞI ĐỘNG

a.Mục tiêu: Kết nối - Đ1

b. Nội dung hoạt động: GV cùng HS thực hiện hoạt động dựa vào kĩ thuật: kể nhanh, tư duy nhanh, trình bày một phút để trả lời câu hỏi: Chuyện người con gái Nam Xương là tác phẩm do nhà văn nào sáng tác? Truyện ra đời vào thời gian nào? Hãy kể tóm tắt cốt truyện?

c. Sản phẩm: Lời kể, cốt truyện của tác phẩm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV HĐ của HS

- GV giao nhiệm vụ: Chuyện người con gái Nam Xương là tác phẩm do nhà văn nào sáng tác? Truyện ra đời vào thời gian nào? Hãy kể tóm tắt cốt truyện?

- Đánh giá sản phẩm.

Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài: - HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

HĐ HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

 HĐ 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Đ1, Đ2; N1, NG1; GT-HT

HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Nguyễn Dữ và tác phẩm của ông.

b. Nội dung hoạt động: HS sử dụng sgk, vở soạn để trả lời câu hỏi GV đưa ra:

- Nêu các nét chính về tác giả Nguyễn Dữ?

- Em có hiểu biết gì về truyện truyền kì?

- Bố cục của Chuyện chức phán sự đền Tản Viên?

 c. Sản phẩm:

1. Tác giả

Nguyễn Dữ (? - ?), sống vào khoảng thế kỉ XVI. Ông xuất thân trong một gia đình khoa bảng, từng đi thi và đã ra làm quan, nhưng không lâu thì lui về ẩn dật.

2. Tác phẩm

- Truyền kì là một thể văn xuôi tự sự thời trung đại phản ánh hiện thực qua các yếu tố kì lạ, hoang đường. Tuy nhiên, đằng sau các chi tiết có tính chất kì lạ, phi hiện thực, người đọc vẫn có thể tìm thấy những vấn đề cốt lõi của hiện thực cũng như quan niệm của tác giả.

 - Tác phẩm rút ra từ Truyền kì mạn lục - một "thiên cổ kì bút" viết bằng chữ Hán, gồm 20 truyện, ra đời vào nửa đầu thế kỉ XVI .

- Vị trí: thuộc chương 8 của tập Truyền kì mạn lục.

- Bố cục: 4 phần.

+ P1: “Ngô Tử Văn...ko cần gì cả”

 Giới thiệu nhân vật và hành động đốt đền tà.

+ P2: “Đốt đền xong... khó lòng thoát nạn”

 Tử Văn gặp bách hộ Thôi và Thổ thần.

+ P3: “Tử Văn vâng lời...mất”

 Tử Văn bị bắt, đối chất ở Minh ti trước Diêm Vương, được tha, nhận lời tiến cử làm quan phán sự ở đền Tản Viên.

+ P4: còn lại.

 Cuộc gặp gỡ tình cờ giữa quan phán sự đền Tản Viên và người quen cũ.

 Lời bình của tác giả.

- Chủ đề: Miêu tả người trí thức Tử Văn với tính tình, cương trực, dũng cảm đốt đền, đồng thời làm rõ hành động mạnh mẽ, quyết liệt vạch mặt gian tà trước công lí giành chiến thắng

d.Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV HĐ của HS

Trong hoạt động:

-Hs đọc phần Tiểu dẫn- sgk.

- Nêu các nét chính về tác giả Nguyễn Dữ?

- Em có hiểu biết gì về truyện truyền kì?

Sau hoạt động: Gv bổ sung: Qua truyện truyền kì, chúng ta thấy đằng sau những chi tiết hoang đường kì ảo (phi hiện thực) lại là những vấn đề cốt lõi của hiện thực, thể hiện rõ quan niệm và thái độ của tác giả.

Gv giải thích nhan đề:

+ Truyền kì: những chuyện kì lạ được lưu truyền trong dân gian.

+ Mạn lục: ghi chép một cách rộng rãi.

 Ghi chép một cách rộng rãi những chuyện kì lạ được lưu truyền trong dân gian.

 Thái độ khiêm tốn của tác giả. Bởi tác phẩm thực sự là một sáng tác văn học với sự gia công hư cấu sáng tạo, trau chuốt, gọt rũa của tác giả.

- Tác phẩm gồm bao nhiêu câu chuyện, viết bằng loại chữ nào và ra đời vào khoảng thời gian nào?

- Nêu giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm?

- HS đọc sgk.

- Trả lời cá nhân từng câu hỏi.

- Nhận xét câu trả lời của bạn khác.

HĐ 2: Tìm hiểu nhân vật Ngô Tử Văn.

a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5; N1, NG1; GT-HT

HS thực hiện hoạt động để hiểu được tính cách, phẩm chất tốt đẹp của nhân vật Ngô Tử Văn.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ dựa vào sgk, giấy A0, kĩ thuật khăn trải bàn để xác định vấn đề cần giải quyết: nguyên nhân Tử Văn đốt đền, vụ xử kiện dưới Minh Ti?...

c. Sản phẩm:

a. Giới thiệu nhân vật Ngô Tử Văn

- Lai lịch: Tên là Soạn, người huyện Yên Dũng, đất Lạng Giang, là một trí thức nước Việt.

- Tính cách: Khảng khái, nóng nảy, thấy gian tà là không chịu được, vùng Bắc người ta vẫn khen là một người cương trực.

→ Từ ngữ mang tính khẳng định.

Cách giới thiệu trực tiếp, ngắn gọn theo phương pháp truyền thống của văn học trung đại

→ Gây sự chú ý của ngưới đọc.

b. Hành động của Ngô Tử Văn

- Tức giận trước việc “ hưng yêu tác quái” của tên Bách hộ họ Thôi, nên đã đốt đền trừ hại cho dân.

- Diễn biến:

+ Tắm gội sạch sẽ.

+ Khấn trời đất.

+ Châm lửa đốt đền.

+ Không hề lo sợ hậu quả.

→ Cẩn trọng, công khai, đàng hoàng, quyết liệt.

d. Tổ chức thực hiện:

HĐ CỦA GV HĐ CỦA HS

- Giao nhiệm vụ:

+ Ngay từ đầu truyện, tác giả đã giới thiệu Ngô Tử Văn là người như thế nào?

+ Em có nhận xét gì về cách dùng từ và giới thiệu của tác giả?

+ Tính cách đã chi phối tới hành động nào của Ngô Tử Văn?

+ Chàng đã làm việc đó như thế nào? Ý nghĩa?

- Đánh giá sản phẩm.

- Chuẩn kiến thức. - Thực hiện nhiệm vụ.

- Báo cáo nhiệm vụ.

 TIẾT 2:

HĐ 1: Tìm hiểu ý nghĩa của hành động đốt đền.

a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5; N1, NG1; GT-HT

b. Nội dung hoạt động: HS suy nghĩ để tìm ra ý nghĩa của hành động đốt đền của Ngô Tử Văn.

c. Sản phẩm:

- Ý nghĩa của việc đốt đền:

+ Thể hiện tính khảng khái, cương trực, dũng cảm của kẻ sĩ vì dân trừ hại. Đồng thời tỏ rõ quan điểm và thái độ của người trí thức muốn đả phá sự mê tín thần linh của quần chúng nhân dân.

+ Thể hiện tinh thần dân tộc mạnh mẽ qua việc diệt trừ hồn tên tướng giặc xâm lược hung bạo, bảo vệ Thổ thần nước Việt.

d. Tổ chức thực hiện:

HĐ CỦA GV HĐ CỦA HS

- Giao nhiệm vụ:

Hành động đốt đền của Ngô Tử Văn có ý nghĩa gì?

Việc đốt đền khiến Ngô Tử Văn chịu những hậu quả nào?

- Đánh giá sản phẩm.

- Chuẩn kiến thức. - Thực hiện nhiệm vụ.

- Báo cáo nhiệm vụ.

- Hậu quả:

+ Tử Văn bị “sốt nóng sốt rét”.

+ Bị hồn ma tên tướng giặc mắng mỏ, đe dọa

+ Bị chết xuống âm ti gặp diêm vương

HĐ 2: Tìm hiểu thái độ của Tử Văn sau khi đốt đền.

a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5; N1, NG1; GT-HT

b. Nội dung: GV hướng dẫn học sinh dựa vào hành động để đánh giá thái độ và tính cách của nhân vật.

c. Sản phẩm:

 Các hành động và thái độ của Ngô Tử Văn

+ Điềm nhiên không khiếp sợ trước những lời đe dọa của tên hung thần

 + Sự gan dạ trước bọn quỷ Dạ Xoa nanh ác và quang cảnh đáng sợ nơi cõi âm.

 + Thái độ cứng cỏi, bất khuất trước Diêm Vương đầy quyền lực.

 + Lời nói: Vẫn một mực kêu oan, đòi phán xét minh bạch, công khai

d.Tổ chức thực hiện.

HĐ CỦA GV HĐ CỦA HS

- Giao nhiệm vụ:

Ngoài hành động đốt đền, tính cách cương trực thẳn thắng và ghét sự gian tà đã dẫn đến những hành động, thái độ nào khác của Ngô Tử Văn?

- Đánh giá sản phẩm.

- Chuẩn kiến thức. - Thực hiện nhiệm vụ.

- Báo cáo nhiệm vụ.

HĐ 3: Chiến thắng của Tử Văn ở vụ xử kiện dưới Minh Ti.

a. Mục tiêu:Đ2, Đ3, Đ4, Đ5; N1, NG1; GT-HT

b. Nội dung: Hướng dẫn HS đánh giá vấn đề qua hệ thống câu hỏi.

-Em có nhận xét gì về chiến thắng của Ngô Tử Văn?

 - Theo em sự chiến thắng của Ngô Tử Văn mang ý nghĩa gì?

c. Sản phẩm:

-Sự chiến thắng của Ngô Tử Văn:

+ Giải trừ được tai họa, đem lại an lành cho dân.

+ Diệt trừ tận gốc thế lực xâm lược tàn ác, làm sáng tỏ nỗi oan khuất và phục hồi danh vị cho Thổ thần nước Việt

+ Được tiến cử vào chức phán sự đền Tản Viên, đảm đương nhiệm vụ giữ gìn công lí.

- Ý nghĩa của sự chiến thắng.

+ Khẳng định niềm tin chính nhất định thắng tà

+ Thể hiện tinh thần dân tộc mạnh mẽ, sự đấu tranh triệt để với cái xấu, cái ác để bảo vệ dân bảo vệ chính nghĩa.

c. Tổ chức thực hiện:

HĐ CỦA GV HĐ CỦA HS

- Giao nhiệm vụ:

-Em có nhận xét gì về chiến thắng của Ngô Tử Văn?

 - Theo em sự chiến thắng của Ngô Tử Văn mang ý nghĩa gì?

- Đánh giá sản phẩm.

- Chuẩn kiến thức. - Thực hiện nhiệm vụ.

- Báo cáo nhiệm vụ.

HĐ 4: Tìm hiểu ngụ ý tác phẩm:

 a.Mục tiêu: Đ4, Đ5; N1, NG1; GT-HT

 b.Nội dung: HS thông qua việc phân tích, đánh giá vấn đề để nêu bật được ngụ ý của tác phẩm.

c. Sản phẩm:

- Vạch trần bản chất xảo quyệt, hung ác của hồn ma tướng giặc họ Thôi. Mạo danh thổ thần, sống là giặc xâm lược, chết cũng không từ bỏ dã tâm. Bản chất tham lam, hung ác đáng bị trừng trị

- Phơi bày thực trạng bất công từ cõi trần đến cõi âm,. Kẻ ác được sung sướng, người thiện chịu oan ức, thánh thần cũng bao che cho cái ác lộng hành, diêm vương và ác quan đại diện cho công lý thì bị lấp tai, che mắt. Phơi bày thực trạng bất công, thối nát của XH đương thời, tham quan ô lại làm khổ người dân lương thiện.

- Nhắn nhủ hãy đấu tranh đến cùng để chống lại cái ác, cái xấu.

\* Bài học:

+ Nhìn nhận cách sống: Công bằng và hạnh phúc chỉ đến khi người chính trực biết đấu tranh với cái xấu, cái ác, sự gian tà.

+ Niềm tin vào lẽ phải: Chính bao giờ cũng thắng tà.

→ Lẽ phải, công lí không lệ thuộc vào số lượng người hai phái chính – tà. Bè cánh xấu xa chỉ tồn tại nhất thời. Chính nghĩa tất thắng. Miễn là người quân tử phải có ý chí và không ngại sự thiệt hại đến bản thân mình.

d. Tổ chức thực hiện:

HĐ CỦA GV HĐ CỦA HS

- Giao nhiệm vụ:

Tác phẩm có những ngụ ý gì?

(Qua TP, tg muốn lên án, phê phán và nhắn nhủ điều gì?)

- Em rút ra bài học gì?

- Đánh giá sản phẩm.

- Chuẩn kiến thức. - Thực hiện nhiệm vụ.

- Báo cáo nhiệm vụ.

 HĐ 5: Hướng dẫn HS tổng kết.

a. Mục tiêu: HS tìm ra được những nét tiêu biểu về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

b. Nội dung hoạt động: Qua việc trả lời câu hỏi, HS chỉ ra những yếu tố đặc sắc thuộc nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm:

1. Nội dung

- Ca ngợi tinh thần khảng khái, cương trực, dám đấu tranh chống lại cái ác trừ hại cho dân của Ngô Tử Văn, một người trí thức nước Việt.

- Bài học nhân sinh về chính – tà, thiện – ác

2. Nghệ thuật

- Xây dựng cốt truyện giàu kịch tính, kết cấu chặt chẽ.

- Dẫn dắt khéo léo, nhiều chi tiết gây sự chú ý, hấp dẫn.

- Cách kể chuyện và miêu tả sinh động, hấp dẫn.

- Sử dụng nhiều yếu tố kì ảo, nhưng vẫn mang nét hiện thực.

- Ca ngợi tinh thần khảng khái, cương trực, dám đấu tranh chống lại cái ác trừ hại cho dân của Ngô Tử Văn, một người trí thức nước Việt.

- Bài học nhân sinh về chính – tà, thiện – ác

2. Nghệ thuật

- Xây dựng cốt truyện giàu kịch tính, kết cấu chặt chẽ.

- Dẫn dắt khéo léo, nhiều chi tiết gây sự chú ý, hấp dẫn.

- Cách kể chuyện và miêu tả sinh động, hấp dẫn.

- Sử dụng nhiều yếu tố kì ảo, nhưng vẫn mang nét hiện thực.

- Sử dụng kiểu kết thúc có hậu, ở hiền gặp lành, ác giả ác báo của văn học dân gian.

d. Tổ chức thực hiện:

HĐ CỦA GV HĐ CỦA HS

- Giao nhiệm vụ:

Em có nhận xét gì về nghệ thuật kể chuyện được Nguyễn Dữ sử dụng trong bài?

- Đánh giá sản phẩm.

- Chuẩn kiến thức. - Thực hiện nhiệm vụ.

- Báo cáo nhiệm vụ.

 HĐ LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Đ4, Đ5; N1,TC-TH

b. Nội dung : GV hướng dẫn HS sử dụng:

- Phương tiện: Sgk, vở ghi

- Phương pháp, kĩ thuật: Kĩ thuật động não, trình bày 1 phút.

Để thực hiện nhiệm vụ luyện tập từ phiếu học tập của GV.

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Ngô Tử Văn tên là Soạn, người huyện Yên Dũng đất Lạng Giang.Chàng vốn khẳng khái nóng nảy, thấy sự tà gian thì không thể chịu được, vùng Bắc người ta vẫn khen là một người cương trực. Trong làng trước có một ngôi đền linh ứng lắm. Cuối đời nhà Hồ, quân Ngô sang lấn cướp, vùng ấy thành một nơi chiến trường. Bộ tướng của Mộc Thạnh có viên Bách hộ họ Thôi, tử trận ở gần đền, từ đấy làm yêu làm quái trong dân gian. Tử Văn rất tức giận, một hôm tắm gội sạch sẽ, khấn trời rồi châm lửa đốt đền. Mọi người đều lắc đầu lè lưỡi, họ sợ thay cho Tử Văn, nhưng chàng vung tay không cần gì cả.

( Trích Chuyện Chức Phán sự đền Tản Viên, SGK Ngữ văn 10,Trang 56,Tập II, NXBGD 2006)

 1/ Nêu nội dung chính của văn bản ?

 2/ Xác định phương thức biểu đạt của văn bản ?

 3/ Các từ ngữ tức giận, tắm gội sạch sẽ, khấn trời, châm lửa đốt đền đạt hiệu quả nghệ thuật như thế nào trong việc thể hiện tính cách của nhân vật Ngô Tử Văn?

c.Sản phẩm:

1/ Nội dung chính của văn bản trên:

- Giới thiệu nhân vật Ngô Tử Văn

- Kể về sự tức giận trước việc tác oai tác quái của tên hung thần và hành động đốt đền trừ hại cho dân của Ngô Tử Văn.

 2/ Phương thức biểu đạt của văn bản: tự sự

 3/ Các từ ngữ tức giận, tắm gội sạch sẽ, khấn trời, châm lửa đốt đền đạt hiệu quả nghệ thuật trong việc thể hiện tính cách của nhân vật Ngô Tử Văn :

- Lòng dũng cảm, cương trực của con người vì dân vì nước.

- Tinh thần dân tộc bất khuất: tiêu diệt hồn của tên tướng giặc, lúc sống hại dân ta mà lúc chết cũng hại dân ta ; bảo vệ người có công với đất nước: Thổ công từng giúp Lí Nam Đế chống ngoại xâm.

HĐ CỦA GV HĐ CỦA HS

- Giao nhiệm vụ:

Đọc đề bài và trả lời câu hỏi.

- Đánh giá sản phẩm.

- Chuẩn kiến thức. - Thực hiện nhiệm vụ.

- Báo cáo nhiệm vụ.

(NL giải quyết vấn đề)

HĐ VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: V1, YN, TN

b.Nội dung: Viết đoạn văn nghị luận:

1. Từ hình tượng nhân vật Ngô Tử Văn trong Chụyện chức phán sự đền Tản Viên (Nguyễn Dữ), hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 200 chữ), trình bày suy nghĩ cùa anh/chị vế cuộc chiến đấu chống lại cái xấu, cái ác của con người.

d. Sản phẩm:

-Giới thiệu vấn để cần bàn luận

-Cuộc chiến đấu chống lại cái xấu, cái ác của con người.

- Suy nghĩ về cuộc chiến đấu chổng lại cái xấu, cái ác của con người

- Cuộc đấu tranh giữa thiện và ác, giữa chính nghĩa và phi nghĩa là cuộc đấu tranh dai dẳng, nảy lửa, không dễ dàng đi đến hồi kết thúc. Trong cuộc chiến này, cái thiện phải dũng cảm đương đầu với cái ác, dùng cảm chiến đấu.

-Mỗi người phải tự vũ trang cho mình một bản lĩnh vững vàng, một niềm tin

 d.Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV HĐ CỦA HS

CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:

- GV giao nhiệm vụ:

2. Từ hình tượng nhân vật Ngô Tử Văn trong Chụyện chức phán sự đền Tản Viên (Nguyễn Dữ), hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 400 - 600 từ), trình bày suy nghĩ cùa anh/chị vế cuộc chiến đấu chống lại cái xấu, cái ác của con người.

- Nhận xét, chuẩn kiến thức.

 - HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

HĐ 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.

a. Mục tiêu: V1, TC- TH

 b. Nội dung: HS lập sơ đồ tư duy bài học.

c. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy của HS đã hoàn thiện.

 d. Tổ chức thực hiện.

Hoạt động của GV HĐ CỦA HS

-GV giao nhiệm vụ:

+ Vẽ bản đồ tư duy bài học

+ Tìm đọc thêm một số truyện của Nguyễn Dữ

- Đánh giá sản phẩm. + Vẽ đúng bản đồ tư duy

+ Sưu tầm trên mạng, sách ở thư viện;

- HS thực hiện nhiệm vụ tại nhà

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết học sau.

(NL tự học)

IV. Tài liệu tham khảo

 -SGK, SGV

 - Chuẩn kiến thức kĩ năng Ngữ văn 10.

 - Thiết kế bài giảng Ngữ văn 10, tập 2 (Nguyễn Văn Đường cb), NXB Hà Nội, 2011.

 - Văn bản Ngữ văn 10 – Gợi ý đọc – hiểu và lời bình (Vũ Dương Quỹ - Lê Bảo), NXB Giáo dục Việt Nam, 2011.

 - Phân tích tác phẩm Ngữ văn 10 (Trần Nho Thìn cb), NXB Giáo dục Việt Nam, 2009.

 - Một số tài liệu trên mạng internet.

 V. Rút kinh nghiệm

9 Phương pháp thuyết minh

I. Mức độ cần đạt

TT MỤC TIÊU MÃ HOÁ

Năng lực đặc thù: Đọc, Nói, Nghe, Viết

1 Nhớ lại các kiến thức cơ bản đã học về các phương pháp thuyết minh. Đ1

2 Nhận diện và phân tích được hiệu quả của mỗi phương pháp thuyết minh qua các ví dụ cụ thể.

 Đ2

3 Biết trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án, sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp N1

4 Nắm bắt được nội dung và quan điểm của bài thuyết trình, có thể trao đổi phản hồi NG1

5 Lựa chọn, vận dụng và phối hợp các phương pháp thuyết minh phù hợp với đối tượng, làm nổi bật đặc điểm của đối tượng và tăng sức hấp dẫn cho văn bản thuyết minh. V1

Năng lực chung: Tự chủ tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề

6 Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi được giáo viên góp ý. TC-TH

7 Nắm được công việc cần thực hiện để hoàn thành các nhiệm vụ của nhóm. GT- HT

8 Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. GQVĐ

Phẩm chất chủ yếu: Yêu nước; Trách nhiệm

9 Tự hào, yêu quý hơn nữa tiếng Việt, quê hương, đất nước.

 YN

10 Sống có lí tưởng, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, quê hương, đất nước.

 TN

II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy AO, A4,…

2.Học liệu:

\*Giáo viên:

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

\*Học sinh:

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH

Hoạt động học

Mục tiêu Nội dung dạy học trọng tâm

PP, KTDH Phương án kiểm tra đánh giá

 Hoạt động Mở đầu

 (7 phút) Kết nối - Đ1 Huy động vốn kiến thức về các phương pháp thuyết minh đã học trong chương trình Ngữ văn THCS; chuẩn bị tâm thế tiếp nhận kiến thức mới Đàm thoại gợi mở

 GV đánh giá trực tiếp phần phát biểu của HS.

Hoạt động Hình thành kiến thức

(20 phút) Đ1, Đ2, N1, NG1; GT-HT I. Tầm quan trọng của phương pháp thuyết minh

II. Một số phương pháp thuyết minh.

III. Yêu cầu đối với việc vận dụng phương pháp thuyết minh Đàm thoại gợi mở

Kĩ thuật sơ đồ tư duy

Kĩ thuật làm việc nhóm GV đánh giá phiếu học tập, sản phẩm học tập của HS.

Hoạt động

Luyện tập

( 10 phút) Đ2, N1, NG1, ; TCTH Thực hành bài tập SGK. Hoạt động nhóm, Dạy học giải quyết vấn đề GV đánh giá phiếu học tập của HS dựa trên Đáp án

Hoạt động Vận dụng

(5 phút) V1 Viết đoạn văn thuyết minh ( khoảng 200 chữ) về một nghề em định lựa chọn trong tương lai. Chỉ ra em đã sử dụng phương pháp nào?

 Dạy học giải quyết vấn đề GV đánh giá qua bài làm về nhà của HS.

Hoạt động

Mở rộng

(3 phút) V1, YN, TCTH + Vẽ bản đồ tư duy bài học

+ Sưu tầm tranh ảnh, video clip để hỗ trợ viết bài thuyết minh ngắn giới thiệu 1 vài tác giả, tác phẩm văn học trung đại đã học.

 Dạy học giải quyết vấn đề Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.

GV và HS đánh giá

A. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG :

HĐ 1. KHỞI ĐỘNG

a.Mục tiêu: Kết nối - Đ1

b.Nội dung: HS trả lời câu hỏi để tìm ra đáp án đúng.

Những ngữ liệu sau sử dụng phương pháp thuyết minh gì mà em đã học ở chương trình Ngữ văn THCS?

1/Huế là một trong những trung tâm văn hoá, nghê thuật lớn của Việt Nam.

2/Nông Văn Vân là tù trưởng dân tộc Tày, giữ chức tri châu Bảo Lạc (Cao Bằng).

3/Rắn là loài bò sát không chân.

4/Cá là loài động vật có xương sống, ở dưới nước, bơi bằng vây và thở bằng mang.

 5/Nguyễn Du là một thiên tài và Truyện Kiều của ông là một kiệt tác.

c. Sản phẩm: Phương pháp nêu định nghĩa, phương pháp phân loại, phương pháp giải thích.

d. Tổ chức thực hiện:

HĐ CỦA GV HĐ CỦA HS

- Giao nhiệm vụ:

Những ngữ liệu sau sử dụng phương pháp thuyết minh gì mà em đã học ở chương trình Ngữ văn THCS?

1/Huế là một trong những trung tâm văn hoá, nghê thuật lớn của Việt Nam.

2/Nông Văn Vân là tù trưởng dân tộc Tày, giữ chức tri châu Bảo Lạc (Cao Bằng).

3/Rắn là loài bò sát không chân.

4/Cá là loài động vật có xương sống, ở dưới nước, bơi bằng vây và thở bằng mang.

 5/Nguyễn Du là một thiên tài và Truyện Kiều của ông là một kiệt tác.

- Đánh giá sản phẩm.

- Chuẩn kiến thức. - Thực hiện nhiệm vụ.

- Báo cáo nhiệm vụ.

(NL giải quyết vấn đề)

- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.

- Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.

- Có thái độ tích cực, hứng thú.

HĐ 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a.Mục tiêu: Đ1, Đ2, N1, NG1; GT-HT

b.Nội dung hoạt động: HS sử dụng sgk, vở soạn để trả lời câu hỏi GV đưa ra:

1.Yêu cầu để viết một bài văn thuyết minh là gì?

 2.Muốn viết văn bản thuyết minh thì ngoài tri thức và nhu cầu thì còn cần điều kiện gì nữa?

3.Cần ghi nhớ điều gì về mối quan hệ giữa phương pháp thuyết minh với mục đích thuyết minh?

-Ở THCS, các em đã tìm hiểu những phương pháp thuyết minh nào? Hãy nhắc lại và cho ví dụ.

c.Sản phẩm:

- Phương pháp thuyết minh là hệ thống cách thức mà người thuyết minh sử dụng để mong đạt được mục đích mà mình đã đặt ra.

Các phương pháp

+ Đoạn trích Đại Việt sử kí toàn thư của Ngô Sĩ Liên

 Đoạn trích thuyết minh về công lao tiến cử người tài giỏi cho đất nước của Trần Quốc Tuấn. Phương pháp thuyết minh mà tác giả sử dụng ở đây là phương pháp nêu ví dụ.

+ Đoạn trích Thi sĩ Ba- sô và "Con đường hẹp thiên lí".

+ Đoạn trích Con người và con số trên tạp chí Kiến thức ngày nay.

+ Đoạn trích Thương nhớ mười hai của Vũ Bằng.

+ Đoạn trích thuyết minh về niềm say mê cây chuối của Ba-sô và tại sao có bút danh Ba-sô. Trong hai mục đích này, mục đích thuyết minh về việc tại sao có bút danh Ba-sô là chủ yếu mặc dù được nói ngắn hơn niềm say mê cây chuối của Ba-sô. Đây chính là mối quan hệ nhân- quả. Cho dù nguyên nhân có được trình bày dài hơn nhưng nội dung thông báo chính vẫn là kết quả. Niềm say mê cây chuối là nguyên nhân dẫn đến bút danh Ba-sô.

- Việc lựa chọn pp thuyết minh nào, bao nhiêu ? phải do mục đích thuyết minh quyết định

- Không chỉ thuyết minh cho người đọc hiểu được sự vật hiện tượng mà còn phải l;àm cho VB thuyết minh trở nên sinh động hấp dẫn

d.Tổ chức thực hiện:

HĐ CỦA GV HĐ CỦA HS

- Giao nhiệm vụ:

\*HS đọc mục II.2 và trả lời các câu hỏi:

-Sách Ngữ văn 10, tập 2 còn giới thiệu thêm những phương pháp thuyết minh nào khác?

-Cho HS tìm hiểu các ví dụ để xác định rõ trong mỗi ví dụ tác giả thuyết minh điều gì ? Và đã thuyết minh bằng phương pháp cụ thể nào ?

Từ đó củng cố những hiểu biết và tác dụng của các phương pháp

- Đánh giá sản phẩm.

- Chuẩn kiến thức. -HS trao đổi, thảo luận, cử đại diện trình bày về các phương pháp thuyết minh mới.

(Năng lực làm chủ và phát triển bản thân: Năng lực tư duy Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận, )

HĐ LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: Đ2, N1, NG1; GT-HT

b. Nội dung hoạt động: HS củng cố kiến thức lí thuyết, vận dụng giải quyết nhiệm vụ

? Văn bản sau sử dụng phương pháp thuyết minh gì?

 Năm 1542, Nguyễn Bỉnh Khiêm về trí sĩ ở quê, trong am Bạch Vân và đi ngao du sơn thuỷ. Ông chịu ảnh hưởng sâu xa của Lão Trang và chịu ảnh hưởng trực tiếp của Lưu An tức Hoài Nam Vương. Sách Liệt tiên truyện của Lưu Hướng có chép: Lưu An học đạo tiên, luyện được thuốc trường sinh bất tử. Một hôm, sau khi ăn thuốc ấy, ông bay lên trời, chơi ở cung tiên là Bạch Vân Hương (Làn Mây Trắng). Từ đó đi tới ý nghĩa của tên hiệu "Bạch Vân cư sĩ".

c.Sản phẩm: Thuyết minh bằng cách giảng giải nguyên nhân - kết quả:

d.Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV Hoạt động của HS

GV giao nhiệm vụ: Văn bản sau sử dụng phương pháp thuyết minh gì?

 Năm 1542, Nguyễn Bỉnh Khiêm về trí sĩ ở quê, trong am Bạch Vân và đi ngao du sơn thuỷ. Ông chịu ảnh hưởng sâu xa của Lão Trang và chịu ảnh hưởng trực tiếp của Lưu An tức Hoài Nam Vương. Sách Liệt tiên truyện của Lưu Hướng có chép: Lưu An học đạo tiên, luyện được thuốc trường sinh bất tử. Một hôm, sau khi ăn thuốc ấy, ông bay lên trời, chơi ở cung tiên là Bạch Vân Hương (Làn Mây Trắng). Từ đó đi tới ý nghĩa của tên hiệu "Bạch Vân cư sĩ".

- Đánh giá sản phẩm và chuẩn kiến thức. - HS thực hiện nhiệm vụ.

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

(NL giải quyết vấn đề)

HĐ 4.VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: V1, TC-TH

HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao về văn thuyết minh.

b.Nội dung: HS viết một đoạn văn thuyết minh về một nghề mình định lựa chọn trong tương lai.

c. Sản phẩm: là đoạn văn của HS (Vận dụng lí thuyết đã học, viết đoạn văn theo yêu cầu đảm bảo nội dung và hình thức).

d.Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV HĐ của HS

-GV giao nhiệm vụ:

 Viết đoạn văn thuyết minh ( khoảng 200 chữ) về một nghề em định lựa chọn trong tương lai. Chỉ ra em đã sử dụng phương pháp nào?

- Đánh giá sản phẩm. - HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

(NL giải quyết vấn đề)

 Vận dụng lí thuyết đã học, viết đoạn văn theo yêu cầu đảm bảo nội dung và hình thức.

HĐ 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.

a.Mục tiêu: V1, TC-TH

HS có ý thức tìm tòi, mở rộng kiến thức.

 b.Nội dung: HS lập sơ đồ tư duy bài học.

c.Sản phẩm: Sơ đồ tư duy của HS.

 d. Tổ chức thực hiện.

Hoạt động của GV HĐ của HS

CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:

GV giao nhiệm vụ:

+ Vẽ bản đồ tư duy bài học

+ Sưu tầm tranh ảnh, video clip để hỗ trợ viết bài thuyết minh ngắn giới thiệu 1 vài tác giả, tác phẩm văn học trung đại đã học.

 -HS thực hiện nhiệm vụ

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết học sau.

(NL tự học)

+ Vẽ đúng bản đồ tư duy

+ Sưu tầm tranh ảnh, video minh hoạ phù hợp. Kết hợp trình chiếu ppt và diễn đạt bằng ngôn ngữ nói trước tập thể về tác giả, tác phẩm đã chọn.

 IV. Tài liệu tham khảo

 - Bố cục của văn bản.

 - Thiết kế bài giảng Ngữ văn 10,...

 - Một số tài liệu trên mạng internet.